TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: **27**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2021
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 76/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1977 (vắng, có đơn xin giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Cùng HKTT: Tổ 89, Khu phố 13, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; cùng địa chỉ liên lạc: Tổ 42, Khu phố 6, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày:

Bà C và ông Nguyễn Văn R quen biết và chung sống với nhau vào năm 1997; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 255, ngày 26 tháng 11 năm 1997. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể

hàn gắn. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà C yêu cầu được ly hôn với ông R.

Về con chung: Bà C và ông R có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 16/12/2007. Sau khi ly hôn bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, không yêu cầu ông R phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Bị đơn ông Nguyễn Văn R mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông R được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn R vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, riêng bị đơn ông Nguyễn Văn R đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn R là đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn bà Huỳnh Thị C có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 13 tháng 01 năm 2020, bà Huỳnh Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn R; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên đây là vụ án "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Văn R đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị C có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Văn R vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà C và ông R chung sống với nhau từ năm 1997, ngày 26 tháng 11 năm 1997 bà C và ông R đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà C và ông R là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 6, Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, do đó hôn nhân giữa bà C và ông R là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống, bà C xác định vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian gần đây thì vợ chồng có nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; hiện nay bà C và ông R không ai còn quan tâm đến ai nữa. Việc, bà C và ông R không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn là đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông R nhiều lần để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng ông R vẫn cố tình vắng mặt, điều này chứng tỏ ông R không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà C và ông R đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của bà C, cho bà C được ly hôn với ông R.

[2.2]. *Về con chung*: Bà C và ông R có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 16/12/2007. Sau khi ly hôn, bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án bà C xác định có đủ khả năng nuôi dạy con chung, mặc dù không có chứng cứ để cung cấp cho Tòa án vì bà C mở tiệm làm tóc tại nhà; đồng thời cháu D cũng có nguyện vọng được ở với bà C. Còn ông R, không đến Tòa án làm việc nên không biết được nguyện vọng và khả năng của ông R về phần con chung là như thế nào. Vì vậy, để cháu D có điều kiện phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội, cần giao cháu D cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp nên yêu cầu của bà C về phần con chung được chấp nhận.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Bà C không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại Tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T là có cơ sở.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà C phải chịu 300.000 đồng; ông R không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 238, 266, 267, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn R.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Huỳnh Thị C được ly hôn với ông Nguyễn Văn R.

1.2. *Về con chung*: Bà Huỳnh Thị C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Minh D, sinh ngày 16/12/2007.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Không xem xét giải quyết.

1.4. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.5. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng); được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị C đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0051137 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND P. P, TP. T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Vọng